

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 06/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 23/4/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn Q, sinh năm 1963 (Tên gọi khác: không); Nơi ĐKKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L (đã chết) và bà: Phạm Thị S (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, hiện ở thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (đã ly hôn 2006) và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1996; gia đình có 05 chị em, bị cáo là thứ hai; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2018 đến ngày 20/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

* Người làm chứng:

1. Anh Ngô Văn L, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/01/2018, Phạm Văn Q, sinh năm 1963, trú tại thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà thì có Ngô Văn L, sinh năm 1974, trú tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là bạn của Q) đi cùng với một đối tượng khi bị bắt tự khai tên là Trịnh Thị L, sinh năm 1987 ở thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến nhà Q và vào trong nhà ngồi nói chuyện, uống nước tại bàn uống nước cùng với Q. Khoảng 11 giờ cùng ngày, tại bàn uống nước của gia đình Q, L nói với Q “Đề cho em hai cái hàng”, vừa nói L vừa đưa cho Q 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng. Q hiểu ý L muốn mua của Q 200.000 đồng tiền ma túy Heroin nên Q trả lời là “Ừ” và cầm số tiền 200.000 đồng L đưa cho đút vào bên trong túi bên trái áo khoác đang mặc. Sau đó, Q đi ra khu vực hiên nhà (sát chỗ cánh cửa ra vào bên trái theo hướng từ bên ngoài nhìn vào bên trong nhà) lấy 02 gói ma túy Heroin (do Q cất giấu ở khe cánh cửa trước đó) mang vào trong nhà đưa cho L. Khi L vừa cầm 02 gói ma túy Heroin Q đưa cho đút vào bên trong túi bên phải áo khoác L đang mặc thì bị lực lượng Công an huyện Tân Yên phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- 02 (hai) gói giấy bạc có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng bên trong cả hai gói đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroin (thu giữ tại túi bên phải áo khoác Trịnh Thị L đang mặc), được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT”.

- 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (thu tại túi bên trái áo khoác Phạm Văn Q đang mặc)

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, máy cũ đã qua sử dụng, (thu giữ của Phạm Văn Q).

Cùng ngày 05/01/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật, tài sản của Phạm Văn Q, quá trình khám xét không thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Tại Kết luận giám định số 34/KL-PC54 ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận:

“Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 (hai) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng **đều là chất ma túy Heroin, có khối lượng: 0,027 gam”**.

Quá trình điều tra, Phạm Văn Q đã khai nhận về việc Q bán ma túy cho Trịnh Thị L như đã nêu trên. Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Q khai: Khoảng 13 giờ ngày 04/01/2018, Q một mình đi bộ từ nhà Q sang nhà Nguyễn

Văn B, sinh năm 1985 (ở cùng thôn với Q và cách nhà Q khoảng 500m) với mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân và nếu có người mua thì bán kiếm lời. Khi đến nhà B, Q gặp B đang đứng ở khu vực cổng của gia đình B. Tại đây, Q nói với B “Có hàng không để cho chú hai gói?” (ý Q hỏi B có ma túy Heroin không thì bán cho Q 02 gói), B trả lời: “Cháu có”, Q hỏi tiếp: “Giá cả thế nào”, B nói: “Một trăm rưỡi hai gói”. Sau đó, Q đứng ở khu vực cổng của gia đình B đợi, còn B đi vào bên trong nhà khoảng 05 phút sau thì quay ra cổng đưa cho Q 02 gói ma túy Heroin (là chất cục bột màu trắng được gói bằng giấy bạc có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng). Q cầm 02 gói ma túy Heroin B đưa cho rồi đưa cho B số tiền 150.000 đồng, sau đó Q cầm 02 ma túy Heroin vừa mua được mang về nhà cất giấu ở khe cánh cửa ra vào bên trái (theo hướng từ bên ngoài nhìn vào bên trong nhà) để sử dụng dần cho bản thân và nếu có người mua thì bán kiếm lời. Đến ngày 05/01/2018, Q vừa bán 02 ma túy Heroin này cho người con gái tên là Trịnh Thị L với giá 200.000 đồng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ vào lời khai của Phạm Văn Q, Cơ quan điều tra đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Văn B, quá trình khám xét không thu giữ tài liệu, đồ vật gì có liên quan đến ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của B và tổ chức cho Q đối chất với B nhưng B không thừa nhận việc B đã bán ma túy cho Q như Q đã khai. Ngoài lời khai của Phạm Văn Q ra không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh Nguyễn Văn B là người đã bán ma túy cho Q vào trưa ngày 04/01/2018 nên không có đủ căn cứ để xử lý đối với B.

Cáo trạng số 11/KSĐT ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố Phạm Văn Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố Phạm Văn Q phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt Phạm Văn Q từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù, trừ cho bị cáo 02 tháng 15 ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2018 đến ngày 20/3/2018, bị cáo còn phải chấp hành từ 01 năm 09 tháng 15 ngày đến 02 năm 03 tháng 15 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư có ký hiệu "QT" đã được dán kín, bên ngoài có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bên trong chứa 0,018 gam ma túy Heroin và vỏ bao gói mẫu sau giám định; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng; Trả lại Phạm Văn Q 01 (một) điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Masstel có số IMEI1: 352067093204371, IMEI2: 352067093204389 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Ngô Văn L là người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh B, anh L đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS);

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên, Điều tra viên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh HĐXX thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 05/01/2018, tại nhà ở của Phạm Văn Q, sinh năm 1963 ở thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Công an huyện Tân Yên phát hiện bắt quả tang Phạm Văn Q có hành vi bán phép 0,027 gam ma túy Heroin với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) cho đối tượng tự khai là Trịnh Thị L, sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo bị truy tố, xét xử ngày hôm nay với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong tình hình xã hội hiện nay, tệ nạn ma túy đang là vấn đề nhức nhối cho xã hội và ngày càng có diễn biến phức tạp, nó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nhiều loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân phá vỡ hạnh phúc gia đình, suy thoái đạo đức xã hội. Bị cáo nhận thức được

hành vi mua bán trái phép chất ma túy là trái pháp luật và tính nguy hiểm của nó nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử nghiêm đối với bị cáo và cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội trong một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội;

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người có công, có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế là tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 BLHS. Tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

[6] Về tang vật: 0,018 gam ma túy heroin và vỏ bao gói mẫu sau giám định trong 01 phong bì thư có ký hiệu "QT" đã được dán kín, bên ngoài có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ; số tiền 200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng) thu giữ của Phạm Văn Q khi bắt quả tang là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel có số IMEI1: 352067093204371, IMEI2: 352067093204389 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn Q khi bắt quả tang là điện thoại của Q không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Q nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo phạm tội vì động cơ vụ lợi và là người có tài sản, thu nhập nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với đối tượng tự khai tên là Trịnh Thị L, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả tự do. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh qua Công an xã P, huyện T xác định trên địa bàn thôn thôn C, xã P, huyện T không có người nào tên là Trịnh Thị L, sinh năm 1987. Mặt khác, anh Ngô Văn L và Phạm Văn Q đều không biết địa chỉ cụ thể của Trịnh Thị L nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến L ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử sau là có căn cứ.

[8] Đối với Nguyễn Văn B quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của B và tiến hành cho Q đối chất với B nhưng B không thừa nhận việc B đã bán ma túy cho Q như Q đã khai. Ngoài lời khai của Phạm Văn Q ra không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh Nguyễn Văn B là người đã bán ma túy cho Q vào trưa ngày 04/01/2018 nên không có đủ căn cứ để xử lý đối với B.

[9] Đối với anh Ngô Văn L khi được Trịnh Thị L rủ đi đến nhà Q chơi không được L bàn bạc hoặc cho biết về việc L đến nhà Q để mua ma túy nên Ngô Văn L không vi phạm pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Q là người có công với cách mạng nên được miễn toàn bộ án phí HSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo luật định;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1 - Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2 - Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn Q 02 (Hai) năm tù, trừ cho bị cáo 02 tháng 15 ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2018 đến ngày 20/3/2018, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 09 tháng 15 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước;

3 - Về tang vật: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 0,018 gam ma túy heroin và vỏ bao gói mẫu sau giám định trong 01 phong bì thư có ký hiệu "QT" đã được dán kín, bên ngoài có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng) thu giữ của Phạm Văn Q;

Trả lại Phạm Văn Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel có số IMEI1: 352067093204371, IMEI2: 352067093204389 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

4 - Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn Q được miễn toàn bộ án phí HSST.

5- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 336 BLTTHS: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Trở hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang